TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/DS-ST.
Ngày: 07-7-2020.
Về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Trụ sở: Số T đường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hồng S; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền số 4048/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018)

Người *đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Phú Q; chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng T - Chi nhánh Vĩnh Long. (Giấy ủy quyền số 309/2019/UQ-CNVL ngày 30/9/2019) (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường H, Phường M, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Như P, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số S đường L, Phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 và trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Phú Q là người đại diện theo ủy quyền của đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là Ngân hàng T) trình bày như sau:

Ngày 17/5/2016 Ngân hàng T có ký với chị Lê Thị Như P hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng) đã thỏa thuận: Hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng; không xác định thời hạn sử dụng; thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 2,5% /tháng, lãi suất vay quá hạn là 3,75%/tháng lãi suất vay trong hạn; hình thức vay tín chấp (không thế chấp tài sản); mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; mức tối thiểu thanh toán tối thiểu 5% số tiền sử dụng tính đến kỳ cuối cùng + với tiền lãi + các chi phí trên tổng số tiền đã rút. Trong quá trình sử dụng chị P đã trả cho Ngân hàng tính đến ngày 30/11/2016 được tổng số tiền 4.300.000 đồng nhưng từ đó cho đến nay chị P không trả nữa. Ngân hàng T đã nhiều lần gởi thông báo yêu cầu chị P trả nợ nhưng chị P không thực hiện.

Nay nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu chị Lê Thị Như P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 55.003.267 đồng (trong đó nợ gốc 21.276.327 và lãi suất quá hạn 33.726.940 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn chị Lê Thị Như P được Tòa án triệu tập 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng T.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn chị Lê Thị Như P. Cụ thể: Ngân hàng T yêu cầu cá nhân chị Lê Thị Như P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 56.678.752 đồng tính đến ngày 07/7/2020 (trong đó nợ gốc 21.276.327 và lãi suất quá hạn 35.402.425 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cấp thẻ từ ngày 08/7/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn chị Lê Thị Như P được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Lê Thị Như P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Thị Như P trả nợ gốc lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (áp dụng cho khách hàng cá nhân). Do đó đây là vụ án tranh chấp về

“Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn chị Lê Thị Như P có nơi cư trú trên địa bàn tại thành phố Vĩnh Long vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chị Lê Thị Như P phải có nghĩa vụ trả cho cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 56.678.752 đồng tính đến ngày 07/7/2020 (trong đó nợ gốc 21.276.327 và lãi suất quá hạn 35.402.425 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng vay từ ngày 08/7/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Đối với khoản tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 17/5/2016 chị Lê Thị Như P có ký Giấy đề nghị cấp dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) với Ngân hàng T thỏa thuận hạn mức sử dụng thẻ là 20.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng chị P chưa thanh toán nghĩa vụ còn lại tính đến cuối kỳ (ngày 30/11/2016) với số tiền là 21.276.327 đồng cho Ngân hàng đã vi phạm các Điều 2, 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng T. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoảng tiền lãi quá hạn: Đến ngày 07/7/2020 Ngân hàng T xác định bị đơn Lê Thị Như P còn nợ lãi suất quá hạn là 35.402.425 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay như Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và việc Ngân hàng T yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ đúng pháp luật phù hợp với quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn Lê Thị Như P phải chịu 2.833.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.226.000 đồng theo biên lai thu số N_0 0004997 nộp ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a và b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc bị đơn chị Lê Thị Như P phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền vốn lãi là 56.678.752 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi hai đồng). Trong đó: Nợ gốc 21.276.327 đồng (hai mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm hai mươi bảy đồng) và lãi suất quá hạn 35.402.425 đồng (ba mươi lăm triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/7/2020) bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc bị đơn Lê Thị Như P phải chịu 2.833.900 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi ba ngàn chín trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 1.226.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu số N_0 0004997 nộp ngày 30/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Châu